



Thái Bình

Chủ nhật

CƠ QUAN CỦA ĐẢNG BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TỈNH THÁI BÌNH
TIẾNG NÓI CỦA ĐẢNG BỘ, CHÍNH QUYỀN VÀ NHÂN DÂN THÁI BÌNH

SỐ 603
Chủ nhật
Ngày 21 - 7 - 2019

TÒA SOẠN:
13 LÝ THƯỜNG KIỆT - THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
ĐT: 0227.3731.308 - 0227.3733.958 - 0227.3735.544
BÁO THÁI BÌNH ĐIỆN TỬ: www.baothaibinh.com.vn
EMAIL: toasoan@baothaibinh.com.vn

ĐƯA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

ĐOÀN ĐẠI BIỂU TỈNH THÁI BÌNH

Dâng hương tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ tại ngã ba Đồng Lộc và tỉnh Điện Biên, dâng hương tại đền thờ Hoàng Công Chất



Đồng chí Đặng Trọng Thăng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh đặt vòng hoa, dâng hương tại Nhà bia tưởng niệm các liệt sĩ thanh niên xung phong toàn quốc tại ngã ba Đồng Lộc.



Đồng chí Ngô Đông Hải, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy cùng các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy thắp hương tại phần mộ các anh hùng liệt sĩ tại Nghĩa trang Liệt sĩ A1.

Hướng tới kỷ niệm 72 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2019), chiều ngày 20/7, đồng chí Đặng Trọng Thăng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh cùng đoàn đại biểu Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ tỉnh Thái Bình đã đến dâng hương tưởng niệm các liệt sĩ thanh niên xung phong (TNXP) toàn quốc và các liệt sĩ đã hy sinh tại ngã ba Đồng Lộc.

Ngã ba Đồng Lộc thuộc huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh là mảnh đất hứng chịu nhiều bom đạn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước với gần 43.000 quả bom các loại, bình quân mỗi mét vuông đất ở đây phải chịu 3 quả bom, hơn 4.000 liệt sĩ trong cả nước đã ngã xuống mảnh đất thiêng liêng này, trong đó có sự hy sinh của 10 nữ TNXP tại ngã ba Đồng Lộc vào ngày 24/7/1968 khi đang làm nhiệm vụ.

Trong không khí trang nghiêm, thành kính, đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh và các thành viên trong đoàn đã đến đặt vòng hoa, dâng hương tại Nhà bia tưởng niệm các liệt sĩ TNXP toàn quốc và khu mộ 10 nữ anh hùng liệt sĩ TNXP ngã ba Đồng Lộc. Trước anh linh các liệt sĩ, đoàn đã bày tỏ lòng biết ơn vô hạn trước sự hy sinh to lớn của các anh, các chị vì sự nghiệp cách mạng của Đảng, vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. Các anh, các chị mãi mãi là tấm gương tiêu biểu cho lòng yêu nước, ý chí quật cường, cống hiến, hy sinh cho lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đảng

bộ và nhân dân tỉnh Thái Bình nguyện phát huy truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, tích cực chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho các đối tượng chính sách ngày càng tốt hơn; phấn đấu tiếp tục xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp và phát triển để xứng đáng với sự hy sinh to lớn của các anh hùng liệt sĩ.

Hướng tới kỷ niệm 72 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2019), sáng ngày 20/7, đoàn đại biểu tỉnh Thái Bình do đồng chí Ngô Đông Hải, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy làm trưởng đoàn đã dâng hương tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ tại các nghĩa trang liệt sĩ: A1, Him Lam, Độc Lập, Tông Khao trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Dự lễ dâng hương có các đồng chí: Đỗ Xuân Thành, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy; Nguyễn Hồng Chuyên, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; Hà Công Toàn, Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Nguyễn Thị Linh, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh; đại biểu các sở, ban, ngành của tỉnh; đại biểu Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Điện Biên.

Tại các nghĩa trang liệt sĩ, các đồng chí lãnh đạo tỉnh và các đại biểu đã dâng hương, đặt vòng hoa tại đài tưởng niệm trung tâm nghĩa trang, bia tưởng niệm và từng phần mộ các liệt sĩ quê hương Thái Bình. Trong không khí trang nghiêm,

thành kính, đoàn đã dành một phút mặc niệm, tưởng nhớ công ơn các anh hùng liệt sĩ đã anh dũng chiến đấu và hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, vì nền độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Vòng hoa của Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ tỉnh Thái Bình mang dòng chữ: “Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Ủy ban MTTQ tỉnh kính dâng”. Tại tỉnh Điện Biên hiện có trên 7.000 liệt sĩ từ các tỉnh trong cả nước đang yên nghỉ tại các nghĩa trang liệt sĩ trong đó có 280 liệt sĩ là con em quê hương Thái Bình được ghi danh trong bảng vàng liệt sĩ.

Trước anh linh các anh hùng liệt sĩ, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Thái Bình nguyện một lòng đi theo con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tiếp tục chung sức đồng lòng, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, quyết tâm thực hiện thắng lợi nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp; đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện các phong trào thi đua yêu nước; thường xuyên quan tâm, chăm lo cho các gia đình chính sách, người có công với cách mạng, góp phần xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, văn minh.

Đây là hoạt động thiết thực kỷ niệm 72 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2019); thể hiện đạo

lý “Uống nước nhớ nguồn”, lòng biết ơn của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Thái Bình đối với công lao to lớn, sự hy sinh anh dũng của các anh hùng liệt sĩ đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc; qua đó góp phần giáo dục các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ tiếp tục noi gương thế hệ cha anh, quyết tâm bảo vệ và xây dựng quê hương, đất nước ngày càng giàu mạnh.

Cũng trong sáng ngày 20/7, đồng chí Ngô Đông Hải, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy đã đến dâng hương tại đền thờ Hoàng Công Chất tại xã Noong Hết, huyện Điện Biên (tỉnh Điện Biên). Cùng dự có các đồng chí: Hà Công Toàn, Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Nguyễn Thị Linh, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh; đại diện lãnh đạo một số sở, ban, ngành của tỉnh.

Đền thờ Hoàng Công Chất - Thành Bản Phủ là di tích lịch sử, văn hóa cấp quốc gia của tỉnh Điện Biên. Hàng năm, lễ hội đền thờ Hoàng Công Chất được tổ chức vào ngày mất của thủ lĩnh Hoàng Công Chất (25/2 âm lịch) để tưởng nhớ công ơn người anh hùng áo vải quê lúa Thái Bình cùng hai tướng Lò Ngải, Lò Khanh, dân tộc Thái là người địa phương đã lãnh đạo nghĩa quân đánh đuổi giặc Phế, bảo vệ bản mường, núi rừng Tây Bắc, trấn giữ một vùng biên cương vào thế kỷ thứ XVIII.

NHÓM PHÓNG VIÊN

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Lần đầu tiên

“họp không giấy tờ”

■ THU HIỂN

“Kỳ họp thứ tám HĐND tỉnh đã thành công tốt đẹp. Tại kỳ họp, HĐND tỉnh đã triển khai thí điểm ứng dụng mô hình “kỳ họp không giấy tờ” theo tinh thần cải cách hành chính, góp phần tiết kiệm đáng kể thời gian, vật chất và nâng cao chất lượng, hiệu quả của kỳ họp, tạo tiền đề quan trọng cho việc xây dựng chính quyền điện tử của tỉnh trong tương lai” - đó là khẳng định của đồng chí Nguyễn Hồng Diên, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh tại phiên bế mạc kỳ họp.



Tập huấn sử dụng phần mềm dành cho đại biểu HĐND tỉnh trên máy tính bảng.

Ảnh: THÀNH TÂM

Để thực hiện thí điểm mô hình “kỳ họp không giấy tờ”, trước đó, HĐND tỉnh đã phối hợp với Công ty Cổ phần Tiến bộ quốc tế (AIC) tập huấn giới thiệu về tính năng, tiện ích của phần mềm ứng dụng, hướng dẫn cách khai thác văn kiện tài liệu của kỳ họp, cách sử dụng các tính năng biểu quyết tại kỳ họp. Trước đây, có những kỳ họp phải thông qua nhiều báo cáo, đề án, tờ trình nên mỗi đại biểu HĐND tỉnh phải mang theo tới 3 - 4kg tài liệu để đọc, nghiên cứu phục vụ việc phát biểu, tham luận của mình. Nhưng tại “kỳ họp không giấy tờ” này, mỗi đại biểu chỉ cần mang theo 1 máy tính bảng được HĐND tỉnh cấp đã cài đặt tài khoản mạng riêng để truy cập tài liệu phục vụ kỳ họp. Trên ứng dụng “kỳ họp không giấy tờ” này sẽ có đầy đủ văn kiện tài liệu kỳ họp, chương trình kỳ họp, danh sách đại biểu, các thông báo, tổng hợp thông tin báo chí, ý kiến cử tri. Trong mỗi mục, tài liệu được sắp xếp khoa học để người dùng tiện theo dõi. Các thao tác của đại biểu sẽ được thực hiện ngay trên ứng dụng của máy tính. Cùng với đó, từ máy tính bảng, các đại biểu có thể tra cứu các thông tin khác để phục vụ cho quá



Các đại biểu tổ Kiến Xương tìm tài liệu trên máy tính bảng để tham gia thảo luận tố.

trình phát biểu ý kiến hoặc tranh luận của mình. Máy tính bảng còn được ứng dụng trí tuệ nhân tạo tự động chuyển các file văn bản sang giọng nói, giúp các đại biểu có thể nghe ở mọi lúc, mọi nơi. Đại biểu Bùi Mạnh Hà, Chủ tịch UBND xã Thanh Tân (Kiến Xương) cho biết: Lần đầu tiên, HĐND tỉnh thực hiện “kỳ họp không giấy tờ” nhưng do đã được tập huấn trước, ứng dụng dễ sử dụng nên chúng tôi không gặp trở ngại gì. Phần mềm HĐND rất tiện lợi, nhanh gọn, phù hợp với thời đại công nghệ 4.0. Đặc biệt, đại biểu đã trút bỏ được “nỗi khổ” phải mang theo các túi tài liệu rất nặng của các kỳ họp trước, chỉ với một cái máy tính bảng được HĐND tỉnh cấp và đường truyền internet là đại biểu có thể tìm được bất cứ tài liệu gì liên quan đến kỳ họp và thực hiện các thao tác kỳ họp yêu cầu.

Đây cũng là lần đầu tiên, các đại biểu HĐND đọc tài liệu phục vụ kỳ họp trên máy tính thay vì đọc trên giấy. Đại biểu Lê Hồng Sơn, Chủ tịch Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh cho biết: Việc sử dụng phần mềm ứng dụng “kỳ họp không giấy tờ” trên máy tính cho đại biểu mang lại nhiều lợi ích thiết thực, đại biểu đi bất cứ nơi nào cũng có thể tra cứu tài liệu phục vụ cho hoạt động của mình tại kỳ họp, nếu không thể đọc được thì đã có phần mềm chuyển sang giọng nói để nghe mà không cần phải đọc trên giấy như trước.

Đây là lần đầu tiên thực hiện ứng dụng công nghệ 4.0 vào tổ chức, điều hành kỳ họp của HĐND tỉnh song đã mang lại hiệu quả không nhỏ, giúp tiết kiệm chi phí, giúp các đại biểu dễ dàng trong việc nghiên cứu, lưu trữ tài liệu. Đại biểu Trịnh Quang Hiệp, Trưởng ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh chia sẻ: Công nghệ 4.0 đang được ứng dụng và phát triển mạnh mẽ trong nhiều hoạt động và trên mọi lĩnh vực của cuộc sống thì việc thực hiện “kỳ họp không giấy tờ” là phù hợp với xu thế chung, đúng với chủ trương của tỉnh. Không chỉ thế, mỗi kỳ họp có quá nhiều báo cáo, tờ trình, đề án nên việc in ấn, cấp phát tài liệu rất tốn kém và mất rất nhiều thời gian, nhân viên văn phòng phải chuẩn bị tài liệu cho các đại biểu đến 9 - 10 giờ đêm. Vì thế, thực hiện “kỳ họp không giấy tờ” sẽ tiết kiệm nhất định trong in ấn tài liệu, giảm tải cho công tác chuẩn bị của văn phòng. Thuận tiện hơn trong việc gửi các loại văn bản phục vụ kỳ họp cho các đại biểu cũng như cho các sở, ban, ngành. Sử dụng công nghệ trong kỳ họp còn rèn luyện kỹ năng sử dụng máy tính cho các đại biểu, góp phần tuyên truyền đối với các ngành, các cấp tiến tới sẽ sử dụng chính quyền điện tử, họp không giấy tờ trên toàn tỉnh.

“HĐND điện tử” hay “kỳ họp không giấy tờ” với nhiều ưu điểm nổi trội là nét mới nổi bật thể hiện rõ quyết tâm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của HĐND tỉnh, xứng đáng niềm tin, sự kỳ vọng của cử tri và nhân dân.

SÁP NHẬP TRƯỜNG HỌC Từ chủ trương đến hành động

(tiếp theo và hết)

■ ĐẶNG ANH

Kỳ III: Nắm chắc chủ trương, chủ động phương án

Còn hơn 1 tháng nữa, khoảng 360.000 học sinh trong tỉnh sẽ chính thức bước vào năm học mới. Trước những vướng mắc, khó khăn sau sáp nhập, ngành Giáo dục và các địa phương đã và đang có những hướng dẫn cụ thể để các nhà trường tự tin bước vào năm học mới.



Hoạt động trải nghiệm của học sinh Trường Tiểu học và THCS Vũ Vinh (Vũ Thu).

Trước những khó khăn của Trường Tiểu học và THCS Bắc Sơn (Hưng Hà), Ban Giám hiệu nhà trường đã đưa ra nhiều giải pháp trước mắt để kịp thời ổn định các hoạt động giáo dục. Thầy giáo Nguyễn Văn Mười, Hiệu trưởng nhà trường chia sẻ: Điều đầu tiên đó là nâng cao vai trò của hiệu trưởng nhà trường. Nguyên là hiệu trưởng cấp THCS nên tôi đã chủ động tìm hiểu các văn bản, quy định quản lý cấp tiểu học, tích cực dự giờ thăm lớp để nắm bắt thực tế. Đặc biệt, Ban Giám hiệu nhà trường đã xây dựng quy chế dân chủ tại đơn vị sau sáp nhập, quy định chi tiết về lễ lối làm việc của cán bộ, giáo viên, nhân viên; xây dựng và ban hành quy chế làm việc của ban chỉ ủy, ban giám hiệu; quy chế phối hợp giữa chính quyền với công đoàn. Về cơ sở vật chất, nhà trường đã báo cáo, tham mưu với địa phương trong việc sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất nhằm đáp ứng nhu cầu tối thiểu và phù hợp với tình hình. Trong năm học, địa phương và nhà trường đã thực hiện 10 hạng mục công việc như: thay thế biển hiệu, cải tạo tường bao, sân trường, làm sân thể thao... Kinh phí này được lấy từ nguồn ngân sách trường và địa phương, ước tính khoảng 1 tỷ đồng. Về đội ngũ

giáo viên, nhà trường đã phân công giáo viên THCS hỗ trợ cấp tiểu học với thời lượng 12 tiết tiếng Anh, 6 tiết âm nhạc và 6 tiết tin học/tuần. Điều khó khăn nhất

mà Trường Tiểu học và THCS Bắc Sơn cần đó là sớm có quyết định công nhận hàng trường và phụ cấp trách nhiệm đối với các thành viên trong Ban Giám hiệu



Học sinh Trường Tiểu học Tây Lương (Tiền Hải) trong tiết học trên lớp.

theo quy định hiện hành.

Hiện nay, Thái Thụy là 1 trong 3 địa phương mới hoàn thành được 88,1% kế hoạch sáp nhập trường học, còn 10 trường tiểu học và THCS trong diện sáp nhập nhưng chưa sáp nhập được. Dự kiến, trong tháng 7 này sẽ sáp nhập 4 trường, tháng 11 sáp nhập 4 trường và tháng 12 sáp nhập 2 trường còn lại. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn song ngành Giáo dục huyện đã đề ra một số giải pháp chỉ đạo chuyên môn để bảo đảm ổn định và nâng cao chất lượng ở các trường phổ thông nhiều cấp. Đồng chí Bùi Đức Thụy, Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện chia sẻ: Ngay sau khi sáp nhập, Phòng đã chỉ đạo hiệu trưởng các trường liên cấp phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ, giáo viên. Cụ thể, đối với giáo viên dạy các môn văn hóa, giáo viên cấp nào vẫn dạy cấp ấy; đối với giáo viên các môn chuyên trách gồm: mỹ thuật, âm nhạc, thể dục, ngoại ngữ, tin học phân công dạy ở cả hai cấp học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo. Bên cạnh đó, Phòng đã tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên bằng nhiều hình thức: hội nghị trực tuyến về trường phổ thông nhiều cấp, tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, chuyên môn dành cho cán bộ quản lý và giáo viên bộ môn của cả hai cấp học. Đồng chí Bùi Đức Thụy cho biết thêm: Về những khó khăn như cơ sở vật chất thì chúng tôi đã chỉ đạo các nhà trường đẩy mạnh công tác xã hội hóa. Tuy nhiên về phụ cấp ngành nghề cho giáo viên, huyện vẫn chờ hướng dẫn từ các cấp, các ngành.

Trước thực trạng trên, Sở Giáo dục và Đào tạo đang khẩn trương lấy ý kiến đóng góp để hoàn thiện và ban hành hướng dẫn tổ chức và hoạt động của trường tiểu học và THCS công lập trên địa bàn tỉnh. Theo dự thảo hướng dẫn, về tổ chức và hoạt động, đối với tổ văn phòng, mỗi trường phổ thông hai cấp có 5 thành viên: y tế, văn thư, kế toán, thủ quỹ và nhân viên khác; về tổ chuyên môn, cấp tiểu học có 3 tổ, cấp THCS có 2 tổ tự nhiên và xã hội. Dự thảo hướng dẫn cũng quy định cụ thể các tổ chức trong trường, chương trình và các hoạt động giáo dục, mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Tuy nhiên, đây chỉ là những giải pháp mà ngành Giáo dục Thái Bình đề ra để hướng dẫn các nhà trường giải quyết những khó khăn về chuyên môn. Cũng tại hội nghị công tác quản lý, quản trị trường phổ thông có nhiều cấp học được tổ chức vừa qua, đồng chí Trần Thị Bích Vân, Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo đã đưa ra những đề xuất, kiến nghị đến Bộ Giáo dục và Đào tạo và các ngành liên quan như: xây dựng định biên hợp lý, cụ thể về vị trí việc làm tại các trường liên cấp, nhất là cán bộ quản lý, giáo viên dạy học hai cấp; có những giải pháp phù hợp về cán bộ, giáo viên đang dôi dư; ban hành quy định về trường chuẩn quốc gia tại các trường liên cấp, đầu tư cơ sở vật chất cho các trường; giải quyết chế độ phụ cấp ưu đãi cho cán bộ quản lý, giáo viên dạy liên cấp...

Có thể thấy mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc song với những kết quả bước đầu đạt được trong năm học vừa qua, quan điểm chung của các nhà trường, các địa phương là thực hiện nghiêm việc sáp nhập trường học. Thời gian tới, để tạo sự đồng thuận, thống nhất trong các nhà trường và thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 45 của tỉnh, rất cần có những hướng dẫn cụ thể cho các nhà trường để việc sáp nhập mang lại hiệu quả thực sự, vừa góp phần tinh gọn bộ máy đồng thời ổn định và nâng chất lượng hoạt động của toàn ngành.

Đâu cũng là QUÊ HƯƠNG

■ DIỆP CHI (Báo Điện Biên Phủ)
(Tác phẩm dự thi viết về đề tài người Thái Bình - đất Thái Bình)

“Thái đen, Thái trắng, Thái Bình/Ba Thái đồng tình xây dựng Điện Biên” là câu ca quen thuộc đi vào tiềm thức của bao thế hệ người dân Điện Biên bởi lẽ cùng với hai Thái bản địa, người Thái Bình lên khai hoang, mở đất rồi gắn bó cả cuộc đời với mảnh đất nơi cực Tây Tổ quốc. Được gặp, được nghe những người con quê lúa giải bày tâm sự, chúng tôi mới hiểu rằng với họ dù ở Thái Bình hay ở Điện Biên đâu cũng là quê hương.



Anh Khiết cùng vợ chuyện trò với người dân bản Chạng.

Nơi chúng tôi tìm đến đầu tiên là bản Chạng, xã Quài Cang, huyện Tuần Giáo. Nơi đây nằm trong một thung lũng nhỏ, cách thành phố Điện Biên Phủ chừng 90km, là địa bàn sinh sống chủ yếu của đồng bào dân tộc Thái, ngành Thái đen với những nếp nhà sàn san sát. Vào những năm 60 - 70 của thế kỷ trước, nơi đây là một trong những điểm dừng chân của đoàn người Thái Bình lên khai hoang, mở đất. Qua bao thời gian với nhiều thăng trầm, biến cố, bản Chạng chỉ còn 3 hộ dân người Thái Bình gắn bó với mảnh đất này. Một trong số đó là anh Nguyễn Văn Khiết, nguyên quán An Hiệp, Quỳnh Phụ (Thái Bình). Hơn 40 năm xa quê hương, anh Khiết vẫn giữ được cho mình giọng nói Thái Bình rất “ngọt” chẳng lẫn được vào đâu. Thậm chí, ngôi nhà gỗ mà vợ chồng anh đang ở cũng được thiết kế mang hơi hướng của kiến trúc 3 gian 2 chái truyền thống của đồng bằng Bắc Bộ. Rót cho chúng tôi chén nước chè tươi nóng hổi, anh chậm rãi kể cho chúng tôi nghe câu chuyện của những ngày xưa cũ... Thực hiện chủ

trương của Trung ương về vận động đồng bào miền xuôi lên xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa miền núi, hàng nghìn hộ dân Thái Bình hăng hái lên với Điện Biên. Gia đình anh cùng với hơn 20 hộ lên khai hoang, mở đất tại khu vực này vào năm 1979. Vào thời điểm đó anh mới chừng hơn 3 tuổi, hoài niệm về quê hương chẳng có nhiều. Thay vào đó là những ký ức tuổi thơ gắn bó với đồng bào dân tộc Thái nơi đây. Bấy giờ núi rừng còn hoang vu, thăm thẳm, vô cùng ngỡ ngàng với những người đồng bằng như gia đình anh. May mắn thay, các hộ dân “chân ướt, chân ráo” lên đây nhận được sự đùm bọc, yêu thương của những người dân bản xứ. Họ chặt cây, xẻ gỗ làm nhà ở, giúp người đồng bằng làm quen với môi trường mới để yên tâm lao động sản xuất. Dần dần, cuộc sống của 2 Thái: Thái đen và Thái Bình ngày càng hòa hợp. Minh chứng rõ ràng nhất cho điều đó là việc anh đem lòng yêu rồi kết duyên cùng một “nàng Ban” của núi rừng Tây Bắc. Không chỉ vậy, dù có giọng nói đặc trưng miền quê lúa nhưng khi chuyện trò cùng người bản địa, vốn ngôn

ngữ Thái đen của anh không hề thua kém trai bản chính cống... Chẳng thế mà người dân nơi đây tín nhiệm, bầu anh giữ nhiều chức vụ quan trọng của bản. Thời gian thấm thoát trôi, nhiều hộ dân không còn gắn bó với nơi đây mà chuyển đi nơi khác, người vào thành phố Điện Biên Phủ, người về lại cố hương... Riêng gia đình anh vẫn bám trụ, tiếp tục cuộc sống yên bình ở bản Chạng. Anh Khiết tâm sự: Gia đình tôi vẫn có nhà, đất dưới quê, thỉnh thoảng ghé về thăm. Nơi đây gắn bó như máu thịt bởi cả bố mẹ, vợ con tôi đều ở cả mảnh đất này. Hơn nữa, tôi thích cuộc sống bình dị ở nơi đây với những người đồng bào dân tộc chân chất, thật thà, luôn gắn bó với tôi như những người họ hàng thân thiết... Giao thông ngày nay thuận tiện, nhớ quê muốn về cũng chỉ mất một đêm trên xe khách. Các cháu đi học chuyên nghiệp tôi cũng dần dần quên nguồn cội. Mà anh em họ hàng hay đồng hương đi qua Tuần Giáo cũng rẽ vào thăm nhà tôi luôn... Mấy người xa quê chúng tôi cũng tập hợp nhau lại, lập nên

Hội đồng hương huyện Quỳnh Phụ tại Tuần Giáo và một số huyện lân cận, năm nào cũng thăm hỏi động viên nhau. Vậy nên, dù ở Thái Bình hay Điện Biên, với tôi đâu cũng là quê hương.

Cuộc gặp gỡ cụ Vũ Kiệm, nguyên quán Tiên Hải (Thái Bình), hiện đang sinh sống tại phường Mường Thanh (thành phố Điện Biên Phủ) là một trong những người đầu tiên lên khai hoang, mở đất. Khi đó lòng chảo Điện Biên vẫn là chiến trường còn ngổn ngang bom đạn. Công tác lâu năm và nguyên là Phó Chủ tịch UBND huyện Điện Biên những năm 80 của thế kỷ trước nên chuyện về người Thái Bình ở đất Điện Biên này cụ Kiệm nắm như lòng bàn tay. Những năm 1960 - 1961, cùng với những cựu chiến binh ở lại xây dựng nông trường, đồng người Thái Bình lên Điện Biên bắt đầu thành lập các hợp tác xã nông nghiệp để mở rộng diện tích sản xuất, chủ yếu là làm lúa nước. Những hộ dân lên đợt đầu được bố trí ở mạn dưới, thuộc khu vực xã Pom Lót (huyện Điện Biên) bây giờ. Ngoài ra, cũng có những hộ được phân công vào tận khu vực bản Ta Lét, xã Nửa Ngam (huyện Điện Biên). Từ những hợp tác xã ban đầu, dần dà các hộ dân lên sau mới phát triển ngược lên phía xã Thanh Xương, Thanh Hưng, Thanh Nưa (huyện Điện Biên). Có lẽ bởi người dân bản địa mến khách, sẵn sàng chia sẻ ruộng nương, trâu bò cho những người ở đồng bằng nên dòng người Thái Bình lên với Điện Biên không dứt, cho đến những năm 1985 vẫn có những hộ rời quê lên xây dựng kinh tế mới. Theo thống kê vào thời điểm đó, dân số huyện Điện Biên có đến 38% dân tộc Kinh, chủ yếu đến từ quê lúa Thái Bình. Và những người đi mở đất ấy đã đóng góp rất nhiều mồ hôi, nước mắt và cả xương máu trong việc xây dựng và phát triển Điện Biên. Không chỉ khai khẩn, mở rộng diện tích sản xuất lên gấp 2, 3 lần, biến mảnh đất chiến trường thành ruộng lúa xanh tươi, những người con của quê hương 5 tấn còn mang theo kỹ thuật sản xuất lúa nước chuyển giao cho người Thái, Mông, Tày... tại Điện Biên. Theo lời cụ Vũ Kiệm, trước đây người Thái canh tác hoàn toàn phụ thuộc vào tự nhiên, không chú trọng chăm sóc nên năng suất lúa tương đối thấp, chỉ đạt 1,8 - 2 tấn/ha/năm đối với lúa nước, 1 tấn/ha/năm đối với lúa nương. Với kinh nghiệm nhiều đời truyền lại, người Thái Bình đã mang kỹ thuật làm cỏ, chăm sóc lúa theo từng thời kỳ... giúp họ thay đổi cách thức sản xuất xưa cũ. Nhờ vậy, năng suất lúa dần tăng lên, đến năm 1967 - 1968 đạt tới gần 5 tấn/ha/vụ... Hầu hết thế hệ những người đầu tiên ấy đều đã coi Điện Biên là quê hương thứ hai của mình. Chính vì vậy, dầu da diết nỗi nhớ quê nhưng ai cũng ra sức cố gắng, nỗ lực chung tay vào công cuộc xây dựng, kiến thiết mảnh đất Điện Biên ngày càng giàu đẹp. Thời gian qua đi, lớp người đầu tiên đã ở tuổi xế chiều như cụ Kiệm, nhiều người nghĩ đến chuyện về lại quê hương, an hưởng tuổi già. Nhưng ngẫm lại, gần như cả cuộc đời đã gắn bó với Điện Biên, lớp con cháu cũng đã tiếp nối nhiệm vụ của các bậc tiền nhân mà cống hiến sức mình cho mảnh đất này nên các cụ chẳng lỡ rời xa...

Những người như anh Khiết, cụ Kiệm và hàng nghìn người Thái Bình khác đều là những người con của quê lúa trót nặng lòng với mảnh đất nơi cực Tây Tổ quốc. Theo sự phát triển của thời gian và xã hội, ngoài lĩnh vực sản xuất nông nghiệp là thế mạnh, các thế hệ thứ hai, thứ ba của người Thái Bình năm xưa đã và đang tham gia vào nhiều lĩnh vực khác nhau như: giáo dục, y tế, sản xuất công nghiệp, lực lượng vũ trang... Qua đó, góp phần xây dựng và phát triển mảnh đất Điện Biên - quê hương thứ hai của họ ngày càng phát triển.

Hát tặng người đã khuất và người ở lại

■ TRẦN THU HƯƠNG

**“Sông Thạch Hãn sóng dội về quá khứ/
Tiếng thờ ầm ào se lạnh hoang sơ/Cỏ rơm
lệ sương phủ vào đêm trắng/Thành cổ lặng
tàn ngan ngát mờ xa...”**

Đó là những dòng đầu, trong bài thơ đầu tiên, mở đầu tập thơ “Ngàn sau còn hát” của tác giả Trần Chính. Tập thơ vừa được Nhà xuất bản Hội Nhà văn xuất bản vào tháng 4/2019. 67 bài thơ trong tập thơ là 67 câu chuyện, sự kiện, hồi ức, kỷ niệm về những người lính, những anh hùng liệt sĩ, về những thương binh, những bà mẹ, những người vợ... trong và sau khi đã đi qua những cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Chủ đề xuyên suốt tập thơ là ngợi ca chủ nghĩa anh hùng cách mạng, ngợi ca người lính và ngợi ca những người phụ nữ Việt Nam bất khuất, trung trinh.

Nhà thơ Trần Chính chia sẻ 67 bài thơ trong tập thơ đã được ông sáng tác trong gần 30 năm. Có những cảm xúc ấp ủ, nung nấu trong thời gian dài nhưng cũng có những bài là những cảm xúc bất chợt khi ông đến những vùng đất vừa đặt chân hay gặp những người mới quen, nghe những câu chuyện mới kể. Nhưng những nơi mới đến, những câu chuyện mới nghe, những con người mới gặp ấy đều để lại cho ông những cảm xúc dâng trào và ấn tượng khó quên. Có lẽ chính từ cái cảm xúc, ấn tượng sâu sắc của tác giả mà người đọc cũng như được hòa vào dòng cảm xúc ấy để cảm nhận và để cùng tác giả “Đi tìm hài cốt”, “Nơi anh ngã xuống”, đến tận “Nghĩa trang Tây Ninh” hay dừng lại ở “Năm đất xanh”. Xuyên suốt tập thơ ít tả về những cuộc chiến song người đọc vẫn như được chứng kiến sự khốc liệt của đạn bom, sự hy sinh lớn lao của những người lính. Và khi người đọc được tác giả



Ảnh minh họa

thơ dắt tay đi qua những sự kiện, miền hồi ức, kỷ niệm thì cũng là khi chúng ta đã hòa nhịp cảm xúc với tác giả để cùng đón đầu, cùng quay quắt nhớ về những con người đã nằm xuống cho những vùng đất nở hoa. “*Đi tìm hài cốt bạn mình/Đêm đêm gió hú bóng rình rập trôi/Núi mòn gầy guộc núi oi/Uớc gì đá hóa bạn tôi trở về...*” (Đi tìm hài cốt).

Nhớ về một thời hoa lửa, người đọc thêm một lần được tác giả đưa đến gặp những con người đã đi qua cuộc chiến với những chiến công oanh liệt không thể nào quên. Từ những người con anh hùng với tên tuổi đã đi vào lịch sử như liệt sĩ anh hùng Võ Thị Sáu: “*Phút cuối cùng ra đi/Đôi mắt chị rực lửa/Ánh hào quang vút lên/Suối ấm miền đất đỏ quê hương...*”, đến những cô gái lái xe Trường Sơn hay người thương binh trở về quê hương trong trận chiến mới, trận chiến chống đói nghèo: “*Anh trở về quê lúa/Cây ruộng và nuôi tôm/Kia mảnh trăng chiếu lên/Hương cây Trường Sơn nhỏ...*”. Giọng thơ hồn hậu, chân thành nhưng vẫn làm sáng ngời lên hình ảnh những người lính qua các giai đoạn lịch sử cách mạng.

Trong những cuộc chiến tranh, cùng với sự hy sinh to lớn của những người lính nơi chiến trường khói lửa thì có một sự hy sinh cũng lớn lao không kém đó chính là sự hy sinh âm thầm, lặng lẽ mà cao cả của những người ở hậu phương, đặc biệt là của những người mẹ, người vợ. Nhà thơ Trần Chính chia sẻ bản thân ông đã sống, đã chứng kiến về những nỗi đau âm thầm ấy nên ông đặc biệt dành nhiều tình cảm để trân trọng, yêu thương và chia sẻ với những người vợ, người mẹ đã hiến dâng chồng, con cho Tổ quốc. Có lẽ bởi chính cái tình cảm vừa trân trọng vừa thương yêu của tác giả nên mỗi bài thơ, dòng thơ đều làm người đọc rung rung. “*Cái ngày/Nhập ngũ lên đường/Cầm tay/Bịn rịn/Mắt vương tơ lòng/Đêm buồn/Xào xạc nỗi đời/Rét mòn/Nhan sắc/Em ngồi chờ anh.../Ru anh/Khóc bạc mái đầu/Cô đơn/Em mãi là dâu nhà mình*” (Ru anh). Chỉ gói gọn trong hơn 100 chữ nhưng vẫn đủ để cho người đọc hiểu về cuộc đời của những người vợ trẻ thất lung chờ chồng ra trận. Họ tiễn chồng ra đi từ khi má còn hồng, tóc còn xanh nhưng vẫn trọn vẹn trung trinh chờ chồng để rồi cả một đời “Ru anh

khóc bạc mái đầu” nhưng “Cô đơn em vẫn là dâu nhà mình”. Có sự hy sinh nào lớn lao hơn, đau đớn hơn?

Nhưng không dừng lại ở “Ru anh”, sự xót thương những người vợ, người mẹ tiếp tục là mạch nguồn cảm xúc chưa dừng lại của tác giả ở nhiều bài thơ khác như: “Em đi tìm anh”, “Cưới nhau cho trọn kiếp người”, “Chị dâu tôi”, “Lời chinh phụ”, “Lòng mẹ”... đủ để hiểu nhà thơ đã trân trọng những người phụ nữ như thế nào? Và khi viết về những người phụ nữ, có những dòng thơ mộc mạc như kể: “*Khi anh tôi mất/Chị chắt chiu nuôi mẹ thờ chồng.../Chị đảm đang quán xuyên tảo tần/Quên mình tóc mòn sương buốt...*” (Chị dâu tôi) nhưng cũng có những dòng thơ như rút ruột mà viết để giúp người đọc thấu hơn nỗi cô đơn rất nhói lòng của những người vợ trẻ mất chồng trong cái thế giới hữu hạn của cuộc đời con người: “*Năm mươi năm/Nửa đời người/Ngân ngát lá trầu non/Quả cau héo mòn/Quất lại...*” (Cưới nhau cho trọn kiếp người). Có lẽ bởi chính từ lòng cảm phục, biết ơn, yêu thương chân thành sâu sắc ấy mà tác giả đã chọn “Lời chinh phụ” là bài cuối cùng để khép lại tập thơ. “*Nén nhang thấp một lời thờ/Khẩn anh trăm lạy em về thôi anh/Trường Sơn chiều biếc mong manh/Nhân duyên buổi ấy mà thành không nhau...*”. Chủ nghĩa anh hùng cách mạng đã và vẫn luôn là một chủ đề chưa bao giờ dừng lại của thi ca Việt Nam, song với mạch nguồn cảm xúc từ trái tim của người sáng tác đã ở tuổi “xưa nay hiếm” nên những bài thơ của tác giả Trần Chính như là cái tâm trạng của người lính đã đi qua cả thời trận mạc, khói lửa, đã ném trái nỗi đau và sự mất mát để đạt đến độ thơ với cảm xúc vừa bình thản đến nhói lòng mà lại bằng lòng như vậy.

Tập thơ “Ngàn sau còn hát” là tập thơ thứ 8 của tác giả Trần Chính. Như nhà thơ Kim Chuông nhận xét, với “Ngàn sau còn hát”, tác giả Trần Chính đã đối khác mình, sự dẫn dắt mình hành trình trên một “lối đi” khác. Tập thơ dẫn người đọc đến với thế giới của những bà mẹ, những người vợ, những người lính, những thương binh, anh hùng, liệt sĩ... với bóng dáng một thời của cuộc chiến tranh ái quốc vĩ đại của dân tộc đi qua... “Ngàn sau còn hát” là một ý thức với tiếng lòng tri ân các anh hùng, liệt sĩ. Và cũng chính vì vậy, những dòng thơ đem lại cho người đọc niềm tin yêu, tự hào cùng một nỗi buồn thấm thía và biết ơn.

Lời cầu nguyện trước Đền thờ Liệt sĩ tỉnh Thái Bình

■ TRẦN CHÍNH
Thành phố Thái Bình

Ngọn nến lung linh
Tàn nhang
Lả tả
Tiếng chuông ngân nức lên từng hồi
Tiếng mõ gọi hồn
Hàng bia đá rừng mình trong cõi hư vô trầm mặc
Lời nguyện cầu âm vang tình non nước
Quá khứ hiện về
Quê mẹ Thái Bình
Trái bao phen sóng gió trước bình minh
Từ thuở đất lành
Đã gồng mình với bão táp phong ba
Giặc xâm lăng tràn qua
Cùng đất nước bốn nghìn năm
Quật cường
Dựng xây
Bồi đắp
Bao thế hệ ấp đầy

Đắm mình với biển
Với dòng sông phơi mình cháy xiết
Với ruộng đồng ngập bùn một nắng hai sương
Cho mùa vàng thóc mấy đầy sân
Những bước chân
Xa
Ngàn dặm
Vượt đời mình trong kỳ tích non xanh
Thời chiến tranh
Đánh giặc
Ba mươi năm khốc liệt
Hơn năm mươi vạn thanh niên
Lên đường ra trận
Điệp trùng theo bước cha anh
Trước đạn bom khói lửa
Bằng rừng vượt suối
Quên mình vì nước vì dân
Hơn năm vạn người con thân thương

Hy sinh trên khắp chiến trường
Người vợ mòn mỏi chờ chồng
Người mẹ mong con khóc không còn nước mắt
Trên năm nghìn bà mẹ Việt Nam anh hùng
Hàng vạn thương binh
Và chất độc da cam tạt tàn máu kiệt
Giọt lệ nào
Bù đắp đầy vơi
Ngọn nến nào thấp sáng người ơi
Giọt nhang tàn
Đỏ
Gục khóc
Lã chã
Bay vào cõi linh thiêng
Đất và trời
Mênh mang
Một màu trắng trong muốt mát

Lời nguyện cầu âm vang
Ngút ngát
Cháy
Rực hồng
Vọng tỏa
Thấp sáng
Mãi ngàn năm

TỈNH NƯƠNG THÁNH MẪU

■ QUANG VIỆN

Thần tích, ngọc phả, sắc phong... còn lưu giữ tại đền “Quốc Mẫu từ” thôn Trung, làng Phù Lưu, xã Đông Sơn, huyện Đông Hưng ghi rằng: Đinh Thị Tĩnh (Hoàng hậu triều Đinh) là người con gái xinh đẹp, long nhan mắt phượng, mặt như bích phấn, lên 5 tuổi đã biết âm luật nhạc, văn tự chưa giáo hóa đã biết quy mô, quan phủ cho đi học 5 - 6 năm thì văn chương đã xuyên triệt, võ bị tinh thông, cưỡi ngựa bắn tên thế gian khó địch nổi. Truyền ngôn rằng đền “Quốc Mẫu từ” là nơi an táng di hài Tỉnh Nương Hoàng hậu. Bản thần tích niên đại Vĩnh Hựu ngũ niên (1739) còn lưu tại đền ghi rõ: Thánh Mẫu là Đinh Thị Tĩnh, cha là Đinh Công Doan, mẹ là bà Đỗ Thị Lan Hoa...



Kiến trúc khép kín bởi tào xá, tường bao viên, hoành mã tắc môn, có giếng nước phía trước làm tăng vẻ linh thiêng cho ngôi đền.

Theo thần tích Đinh Tỉnh Nương sinh ra và lớn lên trên quê mẹ xã Phù Lưu, huyện Tây Lan (nay là thôn Trung, làng Phù Lưu, xã Đông Sơn, huyện Đông Hưng). Trước khi kết thân với bà Đỗ Thị Lan Hoa thân phụ của Tỉnh Nương đã có “bà cả” là Đào Thị Rạng và sinh được 4 người con trai, nhưng “bà cả” chẳng may mắc bệnh hiểm nghèo mà chết. Bà Đỗ Thị Lan Hoa là vợ kế của ông Đinh Công Doan.

Trong chuyến diên dã mới đây về làng Phù Lưu tìm hiểu dấu ấn nhà Đinh trên đất Cổ Lan, nhóm nghiên cứu chúng tôi được các bậc cao niên trong làng truyền ngôn lại nhiều sự tích ngôi đền và những tôn nghi về danh phận và mộ chí của Hoàng hậu triều Đinh, những nơi thờ tự 4 vị công thần triều Đinh là anh trai Hoàng hậu Tỉnh Nương cùng một số truyền ngôn khác liên quan đến Đinh triều Hoàng hậu... Làng Phù Lưu (còn gọi là làng Phù hay làng Tàu), thời nhà Trần là trung tâm huyện lỵ Cổ Lan sau thời nhà Trần đổi thành huyện Tây Quan cho đến thế kỷ XIX chuyển thành tổng Đông Vi, huyện Đông Quan và nay là huyện Đông Hưng. Làng Phù Lưu chia thành nhiều thôn, hiện ở thôn Bắc có miếu thờ 4 vị tướng họ Đinh (là con trai tướng công của Đinh Công Doan và là anh của Hoàng hậu Tỉnh Nương). Tướng công Đinh Công Doan vốn là thuộc tướng triều Ngô Vương Quyền (938) nhưng khi nhà Ngô

suy vi, ông ra phò giúp Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân. Theo sử cũ, tướng công Đinh Công Doan là người văn võ toàn tài, đi theo Ngô Vương Quyền lập được nhiều công lao và được cử về làm tri phủ Cổ Lan (Tây Quan). Chuyện sinh hạ được người con gái sắc nước nghiêng thành khiến Đinh Tiên Hoàng “ngần người” quyết lập thành Hoàng hậu Đinh Tỉnh Nương được ghi chép trong ngọc phả, thần tích của đền như sau: “Một đêm phu nhân Đỗ Thị Lan Hoa nằm mộng thấy nhật được chiếc gương vàng, sau giấc mộng ấy phu nhân có thai. Ngày 3 tháng Giêng năm Ất Mão (955) bỗng thấy hương thơm đầy nhà, khí thuy rực rỡ, phu nhân trở dạ sinh hạ một người con gái, long nhan mắt phượng, mặt như bích phấn. Lên 5 tuổi đã biết âm luật nhạc, văn tự chưa giáo hóa đã biết quy mô, quan phủ cho đi học 5 - 6 năm thì văn chương đã xuyên triệt, võ bị tinh thông, cưỡi ngựa bắn tên thế gian khó địch nổi. Thời gian ấy quan tri phủ Đinh Công Doan và phu nhân bị ác phong cảm, cùng chết vào mùng 10 tháng 10. Năm anh em dâng biếu tâu vua, nhà vua cho 30 hốt vàng để làm lễ khâm liệm đưa về quê an táng”. Sau khi Ngô Vương Quyền mất, 12 sứ quân nổi loạn. Tại làng Phù Lưu năm người con của Đinh Công Doan nối chí cha đã đứng ra chiêu tập binh mã, xây dựng lực lượng tại Phù Lưu, dựng 3 đồn lũy, lập 1 đồn ở trang Cổ Dưng (nay là xã Đông La,

huyện Đông Hưng) và một đồn ở khu Giồng để chống cự với các sứ quân. Sử cũ chép: Gặp loạn 12 sứ quân, Tỉnh Nương đã cùng các anh trai tham gia lập đồn trại, chiêu dụ nhân tài đánh dẹp. Một lần thị sát vùng Kỳ Bố, Đinh Tiên Hoàng xa giá đến vùng đất Cổ Lan thấy Tỉnh Nương nhan sắc tuyệt trần bèn lập làm Trinh Minh Hoàng hậu, tước hiệu Đệ Nhị Cung Phi, vua giao cho bà cai quản nội cung... Ngọc phả cũng ghi rằng: “Cung Phi có thai, sinh cho Đinh Tiên Hoàng một Hoàng tử, sau khi sinh được trăm ngày thì Cung phi không bệnh mà chết vào ngày 12 tháng 10”. Vua bèn gia phong là: “Cung nương như đậu Tỉnh Nương đại thần đoàn trang Trinh thực cần tiết nhân uyển Hoàng hậu”. Đền Thánh Mẫu làng Phù Lưu là một công trình kiến trúc nghệ thuật điêu khắc gỗ đã được trùng tu vào cuối thế kỷ thứ XIX. Theo tài liệu diên dã và khảo tả, đền quay mặt hướng Đông Nam gồm đền và tào xá, tắc môn, hoành mã, giếng nước... Kiến trúc đền kiểu chữ Đinh gồm 2 tòa, 7 gian, 5 gian tào xá. Tổng thể công trình được khép kín bởi tào xá, tường bao viên, hoành mã tắc môn, có giếng nước trước cửa đền làm cho ngôi đền toát lên vẻ uy linh, thâm tĩnh của một nơi thờ bậc “Mẫu nghi thiên hạ” và kiến trúc của ngôi đền cũng là một thắng cảnh “độc nhất vô nhị” của phủ lý Cổ Lan xưa và nay là huyện Đông Hưng. Cũng theo khảo tả, tòa đại bái gồm 5 gian

Ông Nguyễn Thọ Dân, 82 tuổi, thôn Trung, làng Phù Lưu, xã Đông Sơn, huyện Đông Hưng



Trước đền là giếng nước cổ xuất hiện ngàn năm nay. Theo như các cụ xưa truyền lại giếng có cống nước vào và cống nước ra, người bình thường chui qua lọt, nước giếng lúc nào cũng trong veo. Nhưng gần đây, do dân số trong làng ngày đông lên, nhà dân xây dựng nhiều do vậy cống nước vào và nước ra bị lấp đầy nên vào mùa mưa nước dâng lên ngập cả sân đền không thoát được. Theo các cụ tôi truyền lại, giếng là linh hồn của ngôi đền và có thể giếng là cách điệu danh xưng của Hoàng hậu Thánh Mẫu Đinh Tỉnh Nương (chữ Tỉnh chiết tự chữ Hán nghĩa là Giếng).

Bà Bùi Thị Bé, thành viên Ban Quản lý di tích lịch sử văn hóa đền Quốc Mẫu, thôn Trung, làng Phù Lưu, xã Đông Sơn, huyện Đông Hưng



Đền Mẫu làng Phù Lưu là ngôi đền linh thiêng nhưng do nằm trong khu dân cư đông đúc nên không gian đền bị thu hẹp. Chúng tôi rất mong cấp ủy, chính quyền tỉnh và trung ương có sự quan tâm sớm công nhận “Quốc Mẫu từ” là di tích lịch sử cấp quốc gia.

Ông Đỗ Văn Vện, thủ từ đền Quốc Mẫu, thôn Trung, làng Phù Lưu, xã Đông Sơn, huyện Đông Hưng



Bao đời nay nhân dân làng Phù Lưu chúng tôi ra sức giữ gìn, bảo vệ ngôi đền linh thiêng này, cho đến ngày nay lớp lớp cháu con trong làng vẫn hướng tâm gìn giữ, tôn tạo và phát huy giá trị lịch sử, văn hóa độc đáo của “Quốc Mẫu từ” trong tín ngưỡng thờ mẫu của người Việt.

lợp ngói vẩy rồng, hệ thống cột đá xẽ vuông đứng trên chân tảng đá, đội đầu gỗ, đỡ bảy hiên. Cột đá được soi chỉ chìm, chạm khắc các họa tiết cúc dây và nhấn câu đối chữ Hán. Ngưỡng bao gỗ, soi chỉ kép, chạm trổ độc đáo. Thêm lát đá phiến, dặt tam cấp, có mở cửa đại, 2 cửa sổ. Tòa đại bái dài 9m, rộng 4m, cao 4m, hồi văn năm đầu, lợp ngói mũi, vì kèo kiểu chồng cốn đầu sen. Đặc biệt hệ thống đầu dư đỡ bảy hiên bằng gỗ được chạm trổ công phu, một con nghê đứng trên đầu, ghé vai đỡ bảy. Nét chạm uyển chuyển, kênh bong rất đẹp. Trên diện tích 3 khoảng phần chia đều của Y môn, chính giữa chạm nổi một con phượng, tư thế sải cánh, đập mây. Hai bên là hai con vật được cách điệu đầu rồng, thân là cành hoa lá. Trong hậu cung có hình tượng con rồng được thể hiện trên mảng cốn, bức đại tự dài 2m, rộng 1m có khắc nổi 3 chữ: “Quốc Mẫu từ”. Trong khám từ có 3 cỗ ngai, 3 bài vị thời Lê ở thế kỷ XVII khá lớn và rất đẹp, là ngai thờ vọng cha mẹ “Mẫu” là Đinh Công Doan và Đỗ Thị Lan Hoa cùng ngai thờ Hoàng hậu Tỉnh Nương. Trong hậu cung đền còn lưu giữ tượng gỗ thị nữ châu, tượng Hoàng hậu ngự trên ngai và khám thờ chạm trổ tinh xảo. Những tôn

nghi lưu truyền trong dân gian cho rằng mộ chí của Hoàng hậu Đinh triều Tỉnh Nương Hoàng hậu được đặt trong hậu cung ngôi đền. Các sắc phong thần và câu đối tại đền đều có nội dung: “Phù Lưu xã, phụng sự Đinh triều hoàng hậu”. Các triều đại phong kiến sau này cũng có sắc phong “Cung nương như đậu Tỉnh Nương Đại thần đoàn trang Trinh thực cần tiết nhân uyển Hoàng Thái hậu”.

Ngôi “Quốc Mẫu từ” còn lưu giữ nhiều sắc phong thời Nguyễn và cuốn thần tích chữ Hán do Đông Các Đại học sĩ Nguyễn Bính soạn đã được sao chép vào năm 1739. Tuy còn những tôn nghi truyền ngôn về nơi an nghỉ cũng như danh phận Hoàng triều của Hoàng hậu Tỉnh Nương (Đinh Tỉnh Nương) hay Trinh Minh Hoàng hậu hoặc Trinh Thục Hoàng hậu triều Đinh chưa được làm sáng tỏ nhưng cứ vào ngày sinh và ngày mất của Hoàng hậu Tỉnh Nương triều Đinh hàng năm nhân dân làng Phù Lưu vẫn tổ chức lễ hội long trọng để tưởng nhớ tới 5 anh em họ Đinh đã có nhiều công lao trong sự nghiệp dẹp loạn 12 sứ quân thống nhất đất nước của vua Đinh Tiên Hoàng để lại dấu ấn không phai mờ trên đất Thái Bình.



PHÁO ĐÀI ĐỒNG BẰNG

■ BÚT NGŨ
Thành phố Thái Bình

Ra đường được mười bước, Cụ nghe tiếng hô xung phong ở cổng Đông, rồi ở cổng Bắc. Tiếng hô át cả tiếng súng nổ, thổi thốc, giục giã... Tự nhiên Cụ thấy chân mình muốn chạy. Cụ bước nhanh đến nhà bếp. Mấy cô đứng dưới hố hô xung phong góp vào tiếng thét chung của cả làng. Bà Bát nằm nép dưới nền nhà tránh đạn, miệng cũng lé thê: “Xông... pho... ong...”, “Xông pho... ong...”.

Thấy Cụ đến, bà ngóc đầu hỏi:
- Ngoài ấy đánh chắc thế nào anh?
- Tôi không biết! - Cụ buột miệng.
- Tưởng anh ở ngoài ấy về.
Cụ bỗng thấy mặt mình như rậm thóc nếp. Anh xòe tay xoa mặt.

Phía mặt trận lại im ắng.
Bà Bát quay ra vườn gọi:
- Lên thôi, các á ơi!

Các bếp lại rần rập lửa. Cụ lảng xăng chạy đi, chạy lại, nhòm nồi com; bới bới rá gạo, nhặt ra vài hạt thóc. Rồi bảo mấy cô:
- Thối deo dẻo nhá. Anh em chiến đấu mệt đấy!

Bà Bát vui nôi com xong, quay ra nói nhỏ với Cụ:

- Anh xem có xoay được con lợn, con gà gì không? Đánh trận là mệt lử cô bộ đấy!
Oàng... oàng...

- Lại bắn đấy! - Cụ kêu rồi nhảy ào xuống cái hố gần bể nước.

Bà Bát nằm rạp xuống nền bếp.
Thưa tiếng súng, bà nhòm ngay dậy. Nhác thấy đàn gà xúm vào rá gạo mớ tới tấp, bà quăng cái chổi, chửi toáng: “Cha tiên nhân bố chúng mày!”.

Đàn gà chạy tót tặc. Một con nhảy bừa xuống hố, vỗ cánh chơi với trên đầu Cụ. Nó phet một bãi vào vai Cụ. Cụ đứng dậy, đẩy vôi con gà lên. Bà Bát trở mặt nhìn ra:

- Ô hay, tôi tưởng anh ra cổng.
Cụ lặng lẽ giữ tóc, chùi vai áo.

Một lúc sau, bà Sen lật đặt từ cổng vào. Thấy Cụ, bà vừa thở vừa nói:

- Sáng giờ, hai lần nó phá cổng Bắc. Ta vẫn giữ được. Thấy bảo ở cổng Đông nó chết những mấy thằng.

- Bây giờ thế nào?
- Nó thu quân rồi. Anh Tuyên bảo vậy.

Cụ thở một hơi dài. Chợt nhớ bà Bát bảo xoay gà lợn, Cụ nói:

- Bác Sen ạ! Con trâu nhà ông tôi bị đạn. Bà bốc người làm thịt anh em ăn.

- Ôi vậy à? Vậy tôi đi ngay.

Cụ chạy nháo về nhà, trút bộ quần áo nước dưa, mặc bộ quân phục nâu vào, rồi dặn bố:

- Con trâu không sống được đâu. Ông để cho du kích họ thịt.

- Phải tính cho tao thế nào chứ?
- Được rồi, sổ sách ở tay tôi!

Nặng hòn gạch đập hăm, lấy túi sổ sách đã “quân sự hóa” chỉ to bằng bàn tay, đeo vào nách, Cụ lẻ dếp đường hoàng ra phía cổng Bắc. Từ trong này, Cụ đã thấy Tuyên, vai áo toạc, mũ cối ở đầu bẹp dúm. Xã đội phó Dâu, đầu chít khăn vuông đen thật chặt, chẳng ra kiểu cách gì, cốt giữ cho tóc khỏi xô tung... Cụ bỗng thấy lúc này, điệu bộ đường hoàng của mình không hợp. Cụ vè cao ống quần, sẵn tay áo, chân bước rảo.

- Ông Cụ đây rồi! - Tuyên như reo lên.
- Ở trong ấy có hưởng ứng xung phong không?

- Có! Hưởng ứng mạnh. Bà Bát đang thổi com cùng hô vang lên - Cụ nói rồi hất hăm - Anh em có ai việc gì không?

- Ở đây thì không. Ở cổng Đông, cậu Mận hy sinh. - Tuyên vịn vào vai Cụ nói như bàn bạc - Từ giờ đến tối anh lo liệu cho hai việc. Tôi chưa kịp bàn bạc với ông Chính, nhưng thế nào cũng phải làm. Thứ nhất, anh xoay cho cỗ áo quan. Đưa anh Mận ra đồng. Thứ hai, tổ chức lễ truy điệu, phát động cảm thù.

Cụ nghiêng tai nghe, rồi nói:
- Phải lập ban tổ chức, thêm người làm

với tôi chứ. Tôi đang lo... toàn bộ vấn đề com nước...

- Vâng. Phải lập ban tổ chức. Mời anh Chuyển thanh niên. Ông Soạn nông hội. Bà Sen phụ nữ. Cụ Nghệ, Liên Việt, cụ Thụ bạch đầu quân... Tình hình này, ban đốc chiến chúng tôi còn phải bám sát trận địa.

Cụ nhìn qua lỗ châu mai ra ngoài, xem mảnh đất giặc đã đặt chân đến. Những hố moóc-chê khoét bằng cái nông, miệng toe toét, sạm đen khói đạn. Một vùng máu tím bầm trên mặt đường. Và những vỏ đạn đồng vàng, đồng đỏ lăn lóc...

- Tôi có phải lại cổng Đông nữa không?
- Cụ hỏi chiếu lệ.

- Thôi! Anh cứ về. Tôi sang đây bây giờ.

12

Kho thóc làng Nguyễn dành dùm mấy năm. Đồng chí Thế yêu cầu cho phân tán ngay kéo giặc đốt phá. Mấy ngày qua, giặc dồn quân cần quét, ép Gò, Bái, Gú, Giống... lập tề. Chỉ ngày mai, ngày kia, giặc dốc sức đánh nốt làng Nguyễn, hoàn thành việc lập tề các làng ven đường 10. Tình thế như nhà cháy hai đầu, lửa đã vây vào gian giữa.

Từ sáng, ông Chính và cụ Nghệ đã ra kho. Cụ cầm chìa sắt lùa vào chiếc khóa

đồng to bằng cái mõ thấy cứng, lắc cách cách một lúc lâu khóa mới long ra.

Tổ xay già xúm vào, kẻ xúc, người bung lịch ịch từ kho ra sân.

Cụ Nghệ móm mém ngậm miếng trâu, hai tay vát chéo trước bụng. Cụ trề môi dưới cho quét trâu khỏi rơi, nói với người đồng thóc:

- Anh cứ rót cho đều tay. Rót nặng thế là hao thóc đấy!

Ông Soạn và Cụ đứng chỗ đồng thóc, mỗi người một tờ giấy, ghi số thóc.

Xong gian kho cuối cùng, Tính cả mớ thóc quét kho, quét sân, bà Sen sàng sảy kỹ, còn mười một tấn.

- Số thóc này cứ ăn như cũ thì mười sáu ngày nữa là hết.

Cụ nói với ông Chính. Ông lặng lẽ ký biên bản tịnh kho rồi bảo Cụ:

- Anh Thế bố khuyết, phải phân tán chỗ thóc này. Để một chỗ giặc đốt thì phèo.

- Phân tán đâu cho hết? - Cụ trở mặt nhìn ông.

- Thì phải bàn tập thế xem...

Ông Chính cũng thấy bí. Đồng thóc to thế kia... Ông vẫy cụ Nghệ lại. Ông Soạn, bà Sen cũng xách chổi đến. Một cuộc họp bất thường giữa sân đình. Đồng chí Thế kéo cái chổi làm ghế ngồi bên cạnh.

Cụ Nghệ hiến kế:

- Tôi xin ý kiến. Thóc này là của dân, ta lại gửi vào dân. Chọn những nhà có cụ già tin cẩn, gửi mỗi nhà mười lăm thùng. Giặc đến, các cụ nhận là của nhà mình...

Cụ lắc đầu:

- Không được. Rải ra như thế, chuột bỏ hao hụt...

- Vâng, anh Cụ nói phải - cụ Nghệ nhả bã trâu vào lòng bàn tay khum khum - Rải như vậy chuột bỏ hao hụt. Nhưng anh bảo làm thế nào hơn. Chuột ăn hao hụt chút ít hơn, hay là để giặc đốt một lúc hàng tấn thóc?

Bàn đi cãi lại, cuối cùng đa số nhất trí làm theo đề nghị của cụ Nghệ.

Ông Chính như người giã phải gai rút ra được. Đồng chí Thế phúi bụi trên vai áo ông, an ủi:

- Thời chiến lắm việc oái oăm không lường được, cứ phải vừa làm vừa nghĩ.

Ông Chính được dịp phân bua:

- Đây, có anh thông cảm. Cán bộ xã nhà mới cả, làm thì hăng nhưng nghĩ thì nông choèn. Mọi điều dồn vào tôi, thành thử...

Ông Chính muốn đồng chí Thế hiểu cho những khuyết điểm mà làng Nguyễn mắc là có lý do khách quan.

(còn nữa)



Ảnh minh họa

HỘP THƯ BẠN ĐỌC



Tuần qua, tòa soạn Báo Thái Bình nhận được nhiều tin, bài, ảnh, thơ, video clip... gửi cộng tác của các cộng tác viên. Trong đó có các cộng tác viên ngoài tỉnh như: Trang Nguyễn, Nguyễn Long, Nguyễn Hoàng Duy (Thành phố Hồ Chí Minh); Hồng Châu, Lê Văn Trường (Sóc Trăng); Mai Mộng Tường (Đà Nẵng); Hoàng Khánh Duy (Cần Thơ); Phan Thành Minh (Đà Lạt); Nguyễn Minh Thuận (Gia Lai); Đỗ Thiện, Đinh Thu Hương, Nguyễn Minh Thuận... (Vũng Tàu); Nguyễn Thị Hải (Đại học Văn hóa Hà Nội); Lê Đình Tiến (Hưng Yên); Bùi Văn Phẩm (Phú Thọ); Phương Liên, Đức Linh (Báo Điện Biên Phủ); Trần Duy Tùng (Báo Sơn La). Các cộng tác viên trong tỉnh như Bích Thủy (Bệnh viện Phổi Thái Bình); Thích Nhuận Nguyễn (chùa Từ Xuyên, thành phố Thái Bình); Trần Hiền, Nguyễn Hoàng (Đài TTTH Tiền Hải); Tiên Dung, Xuân Tiến (Đài TTTH Vũ Thư); Hoàng Hương, Lê Lan (Đài TTTH Thái Thụy); Lê Thị Nhung (Thái Thụy); Công Liêm (thành phố Thái Bình); Tạ Xuân Sinh, Trần Quyết Thắng (Hưng Hà)...

Nhân tháng tri ân người có công và ngày Thương binh - Liệt sĩ 27/7, tòa soạn nhận được hàng trăm bài thơ, tản văn, truyện ngắn của các tác giả với những tình cảm trân quý, đồng ý đăng sự biết ơn gửi đồng đội và những người đã hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Các tác giả gửi

cộng tác nhiều là Hoàng Thị Ngọc Diệp (Quảng Nam) với truyện ngắn “Nỗi day dứt hơn nửa thế kỷ” và thơ tình yêu của lính “Anh có về phố Hội với em không”. Tác giả Nguyễn Thanh Hải (Quỳnh Phụ) gửi cộng tác các bài thơ: “Huế của tôi”, “Bạn tôi”, “Mẹ muốn đón anh về”, “Tìm cha”, “Thăm lại quê cha”... Tác giả Trần Quyết Thắng (Hưng Hà) gửi cộng tác thơ “Cha ơi”. Tác giả Lê Anh Phong (Thành phố Hồ Chí Minh) gửi các bài thơ: “Tuông dài thế kỷ”, “Tâm tình tháng tám”, “Trước đài tưởng niệm Thành cổ Quảng Trị”... Tác giả Bùi Văn Phẩm (Phú Thọ) gửi bài “Chiếc ba lô”... với những vần thơ cảm động về hình tượng người mẹ chờ đón con trở về sau chiến tranh nhưng cuối cùng chỉ nhận được một chiếc ba lô: “Đồng đội mang về cho mẹ chiếc ba lô/Chiếc ba lô không còn người đeo nữa/Nham nhở vết bom rơi, đạn nổ/Ba lô thay người về thăm mẹ chiều nay.../Canh cánh chờ con mẹ có ngờ đâu/Con mẹ đã hóa thân vào đất nước/Con mẹ đã hy sinh vì Tổ quốc/Cho giang sơn mãi mãi trường tồn”... Cùng chủ đề kỷ niệm ngày Thương binh - Liệt sĩ, tác giả Công Liêm có bài “Nỗi day dứt hơn nửa thế kỷ” với lời nhắn gửi: “Còn chút hơi thở em còn tìm anh. Từ nơi xa xôi, em cầu mong anh luôn được an lành và hạnh phúc. Nếu anh xem được tấm ảnh này thì anh sẽ nhận ra em ngay, phải không anh...”. Đó câu chuyện tình yêu người lính và là những thôn thức, day dứt

của cựu chiến binh Hoàng Thị Ngọc Diệp, trú ở tổ 19, bầu Ốc Thượng, Cẩm Hà, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam (quê Nghệ An) gửi người chị gặp và yêu thương nơi chiến trường có tên là Thợt, quê Thái Bình. Tác giả và chị Diệp hy vọng thông tin từ bài báo này anh Thợt nếu còn sống hoặc những người thân, đồng đội của anh biết được thì thông tin cho chị...

Chủ đề kinh tế, nhiều cộng tác viên gửi tin, bài phản ánh những tấm gương thương binh phát huy phẩm chất Bộ đội Cụ Hồ, tàn nhưng không phế. Điển hình, cộng tác viên Nguyễn Hoàng có bài viết về gương thương binh nặng với tỷ lệ thương tật 81% Đỗ Thanh Bình, xã An Ninh làm giàu từ trồng dưa. Chỉ với 3 sào ruộng màu, trồng hai loại cây chủ lực là dưa hấu và dưa lê, thu nhập 80 triệu đồng/năm. Ông Bình không những là điển hình nỗ lực vượt qua nỗi đau thể xác mà còn hăng say trên mặt trận sản xuất, cùng với gia đình xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, nuôi dạy ba người con trưởng thành.

Tham gia cuộc thi viết về đề tài người Thái Bình, đất Thái Bình, tuần này, tòa soạn tiếp tục nhận được nhiều bài cộng tác của các tác giả trong và ngoài tỉnh như “Người đam mê với sách, báo đáng” của Trúc Lành viết về ông Nguyễn Văn Tựa, thôn Hú, xã Hòa Tiến, huyện Hưng Hà. Năm nay 85 năm tuổi đời, 65 năm tuổi đảng nhưng ông vẫn giữ niềm đam mê đọc và sưu tầm sách, báo về công tác đảng. Với ông, đó là kho báu quý giá nhất cuộc đời mà ông có để lại cho con cháu sau này.

Tác giả Đức Linh (Báo Điện Biên Phủ) với tác phẩm “Rạng danh quê lúa Thái Bình” viết về những người con Thái Bình phát huy truyền thống quê hương, học tập và lao động sáng tạo để làm rạng danh quê lúa trên mảnh đất Điện Biên anh hùng. Đó là ông Nguyễn Thế Nghi, người con của xã Trung An, huyện Vũ Thư; ông Lê Thành Đô quê xã Lê Lợi, huyện Kiến Xương, hiện đang là Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh Điện Biên; ông Phạm Khắc Quân, ông Phạm Phú Duẩn cùng quê ở xã Thụy Việt, huyện Thái Thụy hiện đều là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Điện Biên; ông Bùi Đức Giang, Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng số 6, tỉnh Điện Biên, một người con của xã Vũ Văn, huyện Vũ Thư...

Các tin, bài, ảnh, phóng sự truyền hình, phát thanh cộng tác của các bạn đã, đang được lựa chọn đăng tải trên các ấn phẩm của Báo Thái Bình. Ban biên tập Báo Thái Bình chân thành cảm ơn sự nhiệt tình cộng tác của các bạn và mong các bạn tiếp tục cộng tác thường xuyên. Đặc biệt, tích cực gửi tin, bài viết kỷ niệm ngày Thương binh - Liệt sĩ 27/7, các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”, tri ân người có công; gửi tác phẩm tham gia cuộc thi viết về đề tài người Thái Bình, đất Thái Bình. Mỗi tin, bài gửi về cộng tác, đề nghị các bạn gửi kèm 1 - 3 ảnh có chú thích đầy đủ. Địa chỉ tiếp nhận cộng tác: Báo Thái Bình, số 13, phố Lý Thường Kiệt, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình hoặc hộp thư điện tử: toasoan@baothaibinh.com.vn.

Trân trọng!



ĐƯỢC NẤU THEO
LUẬT BIA TINH DÒNG
CỦA ĐỨC NĂM 1516





CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
VÀ KIỂM SOÁT CÔN TRÙNG VIỆT NAM

- Diệt và phòng chống mối, mọt cho các công trình xây dựng, dề đập
- Cung cấp thuốc diệt chuột xử lý cho đồng ruộng, trang trại, cơ quan xí nghiệp
- Phun thuốc phòng trừ dịch bệnh: ruồi, muỗi, kiến, gián...
- Cung cấp thuốc bảo vệ thực vật: thuốc trừ sâu, trừ bệnh, trừ cỏ
- Cung cấp hóa chất khử trùng...



Thuốc Diệt Trừ Mối



Thuốc Diệt Trừ Muỗi

TRỪ NHANH - DIỆT GỌN - AN TOÀN MÔI SINH

Địa chỉ: Số 23, Ngách 640/51, Nguyễn Văn Cừ, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Hà Nội
VP tại Thái Bình: Số 324, Đường Long Hưng, Phường Hoàng Diệu, TP. Thái Bình, Tỉnh Thái Bình - Điện thoại: 0913.530.943 - 0873.03.5555